

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CP SÀNH SỨ THỦY TINH VIỆT NAM

I. Thông tin chung :

1- Thông tin khái quát :

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CP SÀNH SỨ THỦY TINH VIỆT NAM**
- Tên giao dịch quốc tế: **VIETNAM CERAMIC GLASS JOINT STOCK COMPANY**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số / Mã số doanh nghiệp: 0301446937, cấp đổi lần thứ 5 ngày 14/10/ 2019.
- Vốn điều lệ : 100.000.000.000 VNĐ (Một trăm tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 94.999.560.000 VNĐ.
- Địa chỉ : 20-24 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
- Số điện thoại : 028.38290 920 - Số Fax : 028.38290 768.
- Website : vinaceglass.com

2 - Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty CP Sành sứ Thủy tinh Việt Nam trước đây là Công ty TNHH Nhà nước MTV Sành sứ Thủy tinh Việt Nam được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2944/QĐ -BCN ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Bộ Công nghiệp.

3 - Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

Sản xuất kinh doanh hàng hóa, sản phẩm chịu lửa;

Sản xuất lò luyện và lò nung.

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

Kinh doanh bất động sản;

Xây dựng.

Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác .

- Địa bàn kinh doanh : Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành toàn quốc.

4 - Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý :

- Mô hình quản trị : Theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần.



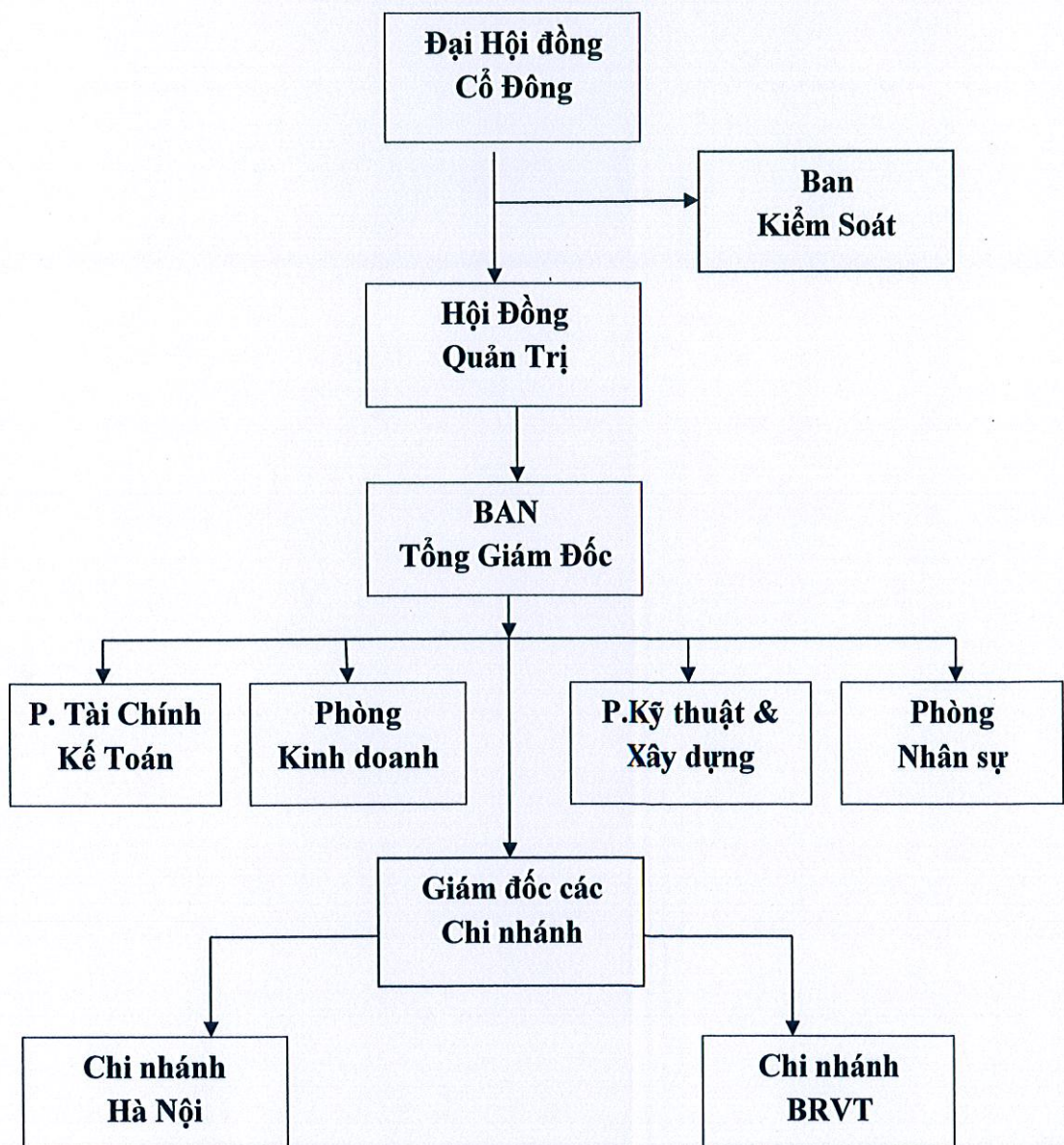
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc, Trưởng các phòng ban.

- Các Chi nhánh : Gồm 2 Chi nhánh như sau :

1. Chi nhánh Hà Nội : 18C Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
2. Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu : KCN Mỹ Xuân A, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Sơ đồ tổ chức của Công ty



II – Tình hình hoạt động trong năm 2019:

– Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: 1.000đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | NĂM 2019 |
|---|-----------|-------------------|
| 1. Tổng doanh thu | 01 | 46.154.550 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 0 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV | 10 | 46.154.550 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 35.631.435 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV | 20 | 10.523.115 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 1.365.359 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 1.131.599 |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | 23 | <i>1.130.062</i> |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | 330.085 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 8.593.313 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | 1.833.477 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 229.359 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 1.142.792 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | (913.433) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 920.043 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 883.237.106 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 36.806 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng) | 70 | 4 |

Tình hình tài chính trong năm 2019 so sánh với năm 2018 :

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| CHỈ TIÊU | NĂM 2018 | NĂM 2019 | % tăng, giảm (Năm 2019 /2018) |
|--------------------------|-------------|-------------|----------------------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 103,581,477 | 116,102,056 | 12% |
| Doanh thu thuần | 28,140,725 | 46,154,550 | 64% |
| Lợi nhuận trước thuế | (1,704,674) | 920,043 | 46% |
| Lợi nhuận sau thuế | (1,704,674) | 36,806 | 98% |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (0.179) | 0.004 | 98% |

- Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| Chỉ tiêu | Kế hoạch Năm 2019 | Thực hiện Năm 2019 | Tỷ lệ % TH / KH |
|---------------------|----------------------|-----------------------|--------------------|
| 1 - Doanh thu thuần | 63,800,000 | 46,154,550 | 72% |
| 2 - Lợi nhuận | 1,513,600 | 36,806 | 2% |
| 3 - Cổ tức | 0.159 | 0.004 | 3% |

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản :

| | |
|---|-----|
| * Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | |
| + Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn | 27% |
| + Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn | 73% |
| + Nợ / Vốn chủ sở hữu | 38% |
| + Khả năng sinh lời : Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn cổ phần (ROE) | 0% |
| * Các hệ số chính trong kinh doanh | |
| + Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu | 2% |
| + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu | 0% |
| + Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản | 1% |
| + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | 0% |

- Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Trong những năm gần đây, việc cung cấp hóa chất cho ngành gốm sứ thủy tinh bị thu hẹp rất nhiều. Một số đối tác của Vinaceglass đã đóng cửa, chuyển nhượng doanh nghiệp hoặc chuyển sang lĩnh vực SXKD khác.

Bản thân Vinaceglass cũng từng bước chuyển hướng sang lĩnh vực xây dựng và cho thuê kho xưởng.

2 – Tổ chức và nhân sự :

Hội đồng quản trị:

| | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần | Tỷ lệ nắm giữ CP |
|-----|-------------------|------------|------------|------------------|
| 1 - | Trần Lê Dũng | Chủ tịch | 1,432,879 | 15.08% |
| 2 - | Nguyễn Ngọc Cường | Thành viên | 86,414 | 0.91% |
| 3 - | Phan Ngọc Anh | Thành viên | 478,036 | 5.03% |
| 4 - | Huỳnh Thị Kim Hoa | Thành viên | 436,430 | 4.59% |
| 5 - | Phạm Phúc Thương | Thành viên | - | 0.00% |
| 6 - | Lê Quang Tuấn | Thành viên | 528,169 | 5.56% |
| 7 - | Nguyễn Ngọc Huy | Thành viên | 129,789 | 1.37% |

Ban điều hành :

- | | |
|--------------------------------|----------------------|
| 1. Ông. Trần Lê Dũng | - Tổng Giám đốc |
| 2. Ông. Phan Ngọc Anh | - Phó Tổng Giám Đốc |
| 3. Bà. Nguyễn Thị Thanh Phượng | - Giám Đốc Điều hành |
| 4. Ông. Trần Huỳnh Quang | - Giám Đốc Điều hành |
| 5. Ông. Phan Thanh Liêm | - Giám Đốc Điều hành |

Ban Kiểm soát:

- | | |
|-----------------------------|--------------|
| 1. Bà. Nguyễn Thị Bích Hạnh | - Trưởng ban |
| 2. Ông. Trần Mạnh | - Thành viên |
| 3. Bà. Ngô Ngọc Lan | - Thành viên |

Số lượng Cán bộ CNV: 39 người. Công ty thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động như : Thanh toán tiền lương theo đúng thỏa thuận. Trích nộp BHXH, BHYT, BH thất nghiệp; Khám bệnh định kỳ hàng nămvv.

3 - Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án tài chính:

- Đối với các Công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn mà Vinaceglass đã đầu tư trước đây . Gồm có:

ĐVT: 1.000 đồng

| Tên Công ty | Vốn điều lệ | Vốn thực góp đến ngày 31/12/2019 | Hiệu quả (% cổ tức 2018) |
|---|---------------|----------------------------------|--------------------------|
| 1- Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | 60.000.000 | 12.000.000 | 7% |
| 2 - Cty đầu tư & PT Miền Trung (CER) | 80.000.000 | 33.850.307 | |
| 3 – Công ty đầu tư & Phát triển Habeco | 300.000.000 | 2.109.800 | |
| 4 – Trường Đại học Công nghiệp Vinh | 139.500.000 | 11.749.720 | |
| 5 - Công ty CP An Phú | 1.217.302.090 | 9.900.000 | |
| 6 - Công ty CP chứng khoán Nhất Việt | | 1.000.000 | |
| 7 - Các công ty khác | | 476.560 | |
| Tổng cộng | | 71.086.387 | |

Năm 2019, đa số khoản đầu tư trên không mang lại hiệu quả cho Công ty.

4 - Tình hình tài chính

* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

ĐVT: 1.000 đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2018 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn : | | | |
| TSLĐ / Nợ ngắn hạn | 1.15 | 1.21 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh : | | | |
| TSLĐ - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn | 0.37 | 0.83 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ / Tổng tài sản | 0.27 | 0.19 | |
| + Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu | 0.38 | 0.23 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho : | | | |
| Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho BQ | 1.55 | 3.56 | |
| + Doanh thu thuần / Tổng tài sản | 0.40 | 0.27 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | 0.001 | (0.06) | |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ SH | 0.000 | (0.02) | |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | 0.000 | (0.02) | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ | 0.23 | (0.06) | |

5-Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần :

| | |
|---|------------|
| - Tổng số cổ phần đăng ký phát hành : | 10.000.000 |
| - Số lượng đã bán ra công chúng : | 9.499.956 |
| - Số cổ phiếu lẻ để lại quỹ đầu tư PT : | 0 |
| - Số lượng cổ phần đang lưu hành : | 9.499.956 |
| Trong đó: Cổ phần phổ thông : | 9.499.956 |
| Mệnh giá : 10.000 đồng / cổ phần. | |

b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2019

| TT | Cổ đông | Số cổ phần | % Tỷ lệ nắm giữ |
|----|--------------------------------------|------------------|-----------------|
| 1 | Tổng Cty Đầu tư &KD vốn Nhà Nước | - | 0.0% |
| 2 | Ông: Trần Lê Dũng | 1,432,879 | 15.08% |
| 3 | Ông: Lê Quang Tuấn | 528,169 | 5.56% |
| 4 | Ông: Phan Ngọc Anh | 478,036 | 5.03% |
| 5 | Tổng Cty CP Bia Rượu -Nước GK Hà Nội | 570,000 | 6.00% |
| 6 | Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt | 475,000 | 5.00% |
| 7 | Công ty Cổ phần Hà Quang | 674,636 | 7.10% |
| 8 | Nguyễn Miên Tiến | 475,000 | 5.00% |
| 9 | Cổ đông khác (tỷ lệ nắm giữ dưới 5%) | 4,866,236 | 51.22% |
| | Tổng cộng | 9,499,956 | 100.00% |

(Nguồn: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

c) Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không giao dịch.

III - Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc về hoạt động của công ty:

- Công ty đang tập trung vào lĩnh vực thi công xây dựng cho các công trình xây dựng của Công ty Đầu tư & phát triển miền Trung. Tuy nhiên, lợi nhuận năm 2019 không đạt được theo kế hoạch đề ra.

- Kinh doanh thương mại truyền thống : Giữ vững thị trường và khách hàng hiện có, tiếp tục tìm kiếm các đối tác cung cấp nguồn hàng và khách hàng mới. Tuy nhiên, doanh thu kinh doanh thương mại chưa đạt yêu cầu.

- Chi nhánh Bà Rịa Vũng tàu : HĐQT đã chỉ đạo ngưng sản xuất, tập trung vào việc quản lý cho thuê nhà xưởng. Doanh thu trong năm chủ yếu là cho thuê mặt bằng, doanh thu đạt trên 5,7 tỷ đồng. Đây là xu hướng tốt, hiện đang có khách hàng ký hợp đồng thuê lại kho xưởng dài hạn.

Chi nhánh tại Hải Dương: Hoạt động từ tháng 01 đến tháng 8/2019. Kết quả hoạt động kinh doanh không hiệu quả. Công ty đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Hoàn thành nghĩa vụ với NSNN và giải thể chi nhánh.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết :

- HĐQT tiếp tục chủ trương thoái vốn tại các đơn vị đầu tư không hiệu quả. Tuy nhiên, việc thoái vốn vẫn gặp nhiều khó khăn chưa thực hiện được.

Năm 2019, Công ty Bia Hà nội Hưng yên 89 có lãi và dự kiến chia cổ tức 8%, các nguồn đầu tư khác vẫn chưa mang lại hiệu quả thiết thực.

- Cơ cấu vốn đầu tư bên ngoài hiện nay chiếm 74% trên Vốn chủ sở hữu . Tiếp tục giữ cổ phần chi phối và đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư phát triển miền Trung - CER và Trường Đại học Công nghiệp Vinh mà thành viên HĐQT của Vinaceglass đang là Chủ tịch và Ủy viên HĐQT của 2 đơn vị trên.

KẾ HOẠCH NĂM 2020

| | | | |
|---|---------------------------------|--------|------------|
| 1 | Tổng doanh thu SXKD : | 55,000 | triệu đồng |
| 2 | Doanh thu hoạt động tài chính : | 920 | triệu đồng |
| 3 | Tổng chi phí : | 53,030 | triệu đồng |
| 4 | Tổng lợi nhuận trước thuế : | 2,890 | triệu đồng |

IV - Báo cáo của HĐQT về hoạt động của công ty

Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và xây dựng có dấu hiệu tốt đã là cơ hội cho công ty chuyển hướng sang lĩnh vực thi công xây dựng.

Bên cạnh những thuận lợi trên, thi Vinaceglass cũng gặp khó khăn trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh truyền thống: Sản phẩm tấm kê trụ đỡ chịu nhiệt không bán được. Nguyên vật liệu cho ngành SX gồm sứ tiêu thụ chậm. Vì các doanh nghiệp trong lĩnh vực này chỉ hoạt động 30 đến 40% công suất, nhiều doanh nghiệp đóng cửa ngưng SX, chuyển sang hoạt động kinh doanh khác hoặc phá sản.

Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019 và kế hoạch năm 2020

1. Về Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch năm 2019: Hội đồng Quản trị đồng ý với Báo cáo của Ban Điều hành.

2. Các giải pháp của Hội đồng Quản trị trong năm 2020:

- Chuyển hướng hoạt động sang lĩnh vực xây dựng. Tăng cường việc cho thuê nhà xưởng tại chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hoàn thiện các hạng mục đang nâng cấp.

- Củng cố lại bộ máy nhân sự, theo hướng trẻ hóa, có năng lực và chuyên môn, nhiệt tình công tác, cắt giảm các bộ phận hoặc nhân lực dư thừa, yếu kém nghiệp vụ, bổ sung nhân lực có chuyên môn cao phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Tập trung vào hoạt động của các công ty tại Vinh - Nghệ An mà Vinaceglas đang góp vốn. Vì đây sẽ là lĩnh vực đem lại nguồn lợi nhuận chính trong năm nay.

- Kiểm tra chặt chẽ các chi phí trong xây dựng và quản lý doanh nghiệp.

Ban Kiểm soát :

- Hoạt động của Ban Kiểm soát đã bám sát chức năng nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Quá trình hoạt động của Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp, cộng tác của Hội đồng quản trị Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tập trung thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các lĩnh vực trọng yếu sau:

- Kiểm soát báo cáo tài chính: kiểm tra các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu, báo cáo kiểm toán vốn khả dụng năm 2019 và báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán về các số liệu tài chính cũng như thời gian hoàn thành việc lập báo cáo;

- Kiểm soát hoạt động: đánh giá việc quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra, đánh giá các quy trình làm việc của các bộ phận và việc tuân thủ quy trình.

Ý kiến của Ban kiểm soát về báo cáo tài chính:

- Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty, Ban kiểm soát chưa thấy có vấn đề gì nghiêm trọng xét trên các phương diện trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài khóa 2019.
- Các báo cáo tài chính được công bố thông tin theo đúng quy định .
- Ban Kiểm soát nhất trí với đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019.
- Ban Kiểm soát tóm tắt kết quả hoạt động và một số chỉ tiêu tài chính cơ bản tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2019 đã được lập và kiểm toán theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành.

Năm 2019, thực hiện chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

+ Hội đồng Quản trị: Thù lao đã chi trả cho HĐQT. (HĐQT gồm 7 người, 02 thành viên HĐQT tham gia Ban điều hành nên không hưởng thù lao HĐQT).

Tổng số chi: 180.000.000 đồng.

Trong đó: -Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: 0 đồng

-Thành viên HĐQT : 3 tr.đ x 12 tháng x (5 người) = 180.000.000 đồng

+ Ban Kiểm Soát (03 người): Tổng số chi : 20.400.000 đồng.

Trong đó: Trưởng Ban : 700.000 đồng/tháng x 12 tháng = 8.400.000 đồng

Kiểm soát viên : 500.000 đ/tháng/người x 2 người x 12 thg = 12.000.000 đồng

VI - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2019.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÀNH SỨ THỦY TINH VIỆT NAM**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Lê Dũng